

Số: 204/2025/TB-ĐGNAP-CNTH

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 12 năm 2025.

THÔNG BÁO

Về việc dừng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất LKC-02 và LKC-03 tại khu dân cư thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc

Căn cứ Quy chế cuộc đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số 187/2025/QĐ-ĐGNAP-CNTH ngày 09/12/2025 của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa về việc ban hành quy chế cuộc đấu giá Quyền sử dụng các lô đất ở tại khu dân cư thôn Bất Động và thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương và tại xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa);

Căn cứ Thông báo số 188/2025/TB-ĐGNAP-CNTH ngày 09/12/2025 của Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa về việc đấu giá Quyền sử dụng các lô đất ở tại khu dân cư thôn Bất Động và thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương và tại xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa);

Căn cứ Công văn số 1291/UBND-KT ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Ngọc về việc dừng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất LKC-02 và LKC-03 thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc;

Căn cứ tình hình thực tế và sự chỉ đạo của người có tài sản đấu giá;

Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú - Chi nhánh Thanh Hóa xin thông báo “Dừng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất LKC-02 và LKC-03 tại khu dân cư thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc”. Danh mục các lô đất sau khi thay đổi như sau:

TT	Tên lô đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/hồ sơ)
I	Thôn Bất Động, xã Quảng Ngọc					
1	LK-A: 06	150	3.100.000	465.000.000	93.000.000	100.000
2	LK-C: 13	171,9	3.720.000	639.468.000	127.893.600	100.000
3	LK-D: 01	150	3.720.000	558.000.000	111.600.000	100.000
4	LK-D: 02	150	3.100.000	465.000.000	93.000.000	100.000
5	LK-D: 15	150	3.100.000	465.000.000	93.000.000	100.000
6	LK-E: 13	172,6	3.720.000	642.072.000	128.414.400	100.000

II	Thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc					
7	LK-A: 01	140,9	4.250.000	598.825.000	119.765.000	100.000
8	LK-A: 11	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
9	LK-A: 12	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
10	LK-A: 13	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
11	LK-A: 15	150	3.850.000	577.500.000	115.500.000	100.000
12	LK-B: 01	162,5	4.250.000	690.625.000	138.125.000	100.000
13	LK-B: 02	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
14	LK-B: 03	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
15	LK-B: 04	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
16	LK-B: 05	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
17	LK-B: 06	150	4.250.000	637.500.000	127.500.000	100.000
18	LK-C: 04	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
19	LK-C: 05	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
20	LK-C: 06	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
21	LK-C: 07	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
22	LK-C: 10	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
23	LK-C: 11	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
24	LK-C: 12	150	3.530.000	529.500.000	105.900.000	100.000
25	LK-C: 13	150	4.250.000	637.500.000	127.500.000	100.000
III	Xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa)					
26	LK-A: 01	210	4.200.000	882.000.000	176.400.000	100.000
27	DC-A: 12	120,5	4.200.000	506.100.000	101.220.000	100.000
28	DC-A: 14	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
29	DC-A: 15	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
30	DC-A: 16	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
31	DC-A: 17	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
32	DC-A: 18	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
33	DC-A: 19	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
34	DC-A: 20	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
35	DC-A: 21	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
36	DC-A: 22	125	3.500.000	437.500.000	87.500.000	100.000
37	DC-A: 23	187	3.500.000	654.500.000	130.900.000	100.000
38	DC-B: 10	135	3.500.000	472.500.000	94.500.000	100.000
39	DC-B: 11	135	3.500.000	472.500.000	94.500.000	100.000
40	DC-B: 12	135	3.500.000	472.500.000	94.500.000	100.000
41	DC-B: 13	165	3.500.000	577.500.000	115.500.000	100.000

42	DC-B: 14	135	3.500.000	472.500.000	94.500.000	100.000
43	DC-B: 17	250	3.500.000	875.000.000	175.000.000	100.000
44	DC-C: 06	142	3.500.000	497.000.000	99.400.000	100.000
45	DC-C: 07	144	3.500.000	504.000.000	100.800.000	100.000
46	DC-C: 08	145	3.500.000	507.500.000	101.500.000	100.000
47	DC-C: 09	146	3.500.000	511.000.000	102.200.000	100.000
48	DC-C: 10	148	3.500.000	518.000.000	103.600.000	100.000
49	DC-C: 11	170	3.500.000	595.000.000	119.000.000	100.000
50	DC-D: 01	137,5	4.200.000	577.500.000	115.500.000	100.000
51	DC-D: 03	122	3.500.000	427.000.000	85.400.000	100.000
52	DC-D: 04	121	3.500.000	423.500.000	84.700.000	100.000
53	DC-D: 05	122	3.500.000	427.000.000	85.400.000	100.000
54	DC-D: 06	129	3.500.000	451.500.000	90.300.000	100.000
55	DC-D: 07	134,5	3.500.000	470.750.000	94.150.000	100.000
56	DC-D: 08	136	3.500.000	476.000.000	95.200.000	100.000
57	DC-D: 09	135	3.500.000	472.500.000	94.500.000	100.000
58	DC-D: 10	133,5	3.500.000	467.250.000	93.450.000	100.000
Tổng cộng: 58 lô		8.460,9		30.437.590.000	6.087.518.000	

Lưu ý: Thông báo này liên quan đến việc dừng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 lô đất LKC-02 và LKC-03 tại khu dân cư thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc đã ban hành trong Thông báo mời tham gia đấu giá và Quy chế cuộc đấu giá Quyền sử dụng các lô đất ở tại khu dân cư thôn Bất Động và thôn Gia Yên, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương và tại xã Quảng Hợp, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa). Các nội dung khác không được điều chỉnh bởi Thông báo này vẫn tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Mọi thông tin liên hệ:

- Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Nhất An Phú – Chi nhánh Thanh Hóa, địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà VCCI, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa, số điện thoại: 09.7448.7448 hoặc 092.1991.678.

Nơi nhận:

- UBND xã Quảng Ngọc;
- Phòng Kinh tế xã Quảng Ngọc;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Các điểm niêm yết;
- Lưu HS, VT./.

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
NHẤT AN PHÚ - CN THANH HÓA**



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Ngọc Linh Chi

